Chi tiết mã HS 8472.90.90

Mã HS	8472.90.90
Mô tả hàng hóa	Máy văn phòng khác (ví dụ, máy nhân bản in keo hoặc máy nhân bản sử dụng giấy sáp, máy ghi địa chỉ, máy rút tiền giấy tự động, máy phân loại tiền kim loại, máy đếm hoặc đóng gói tiền kim loại, máy gọt bút chì, máy đột lỗ hoặc máy dập ghim) / - Loại khác: / - - Loại khác, không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 12:07:42
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84729090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14357
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14357
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14357
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13700
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13641
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13641
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13641
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13641
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13641
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13641
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13695
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13695
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13695
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13695

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13695
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13695
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13696
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13696
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13696
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13696
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13696
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13696
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13699
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13647
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13655
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13655
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13655
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13655
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13655
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13655
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13686
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13686
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13686
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13686
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13686
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13686
VCFTA	2022	2022	3	VC!D13735
VCFTA	2023	2023	3	VC!E13735
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13735
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13735

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13735
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13735
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13718
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13718
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13718
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13718
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13718
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13718
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13718
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13718
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13718
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13718
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13718
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13718
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13733
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13733
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13733
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13733
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13733
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13733
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13732
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13732
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13732
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13732
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13732
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13732

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13712
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13712
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13712
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13712
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13712
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13712
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13712
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13720
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13720
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13720
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13720
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13720
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13720
RCEP B	2022	2022	0	B!D13720
RCEP B	2023	2023	0	B!E13720
RCEP B	2024	2024	0	B!F13720
RCEP B	2025	2025	0	B!G13720
RCEP B	2026	2026	0	B!H13720
RCEP B	2027	2027	0	B!I13720
RCEP C	2022	2022	0	C!D13720
RCEP C	2023	2023	0	C!E13720
RCEP C	2024	2024	0	C!F13720
RCEP C	2025	2025	0	C!G13720
RCEP C	2026	2026	0	C!H13720
RCEP C	2027	2027	0	C!I13720
RCEP D	2022	2022	0	D!D13719

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13719
RCEP D	2024	2024	0	D!F13719
RCEP D	2025	2025	0	D!G13719
RCEP D	2026	2026	0	D!H13719
RCEP D	2027	2027	0	D!I13719
RCEP E	2022	2022	0	E!D13723
RCEP E	2023	2023	0	E!E13723
RCEP E	2024	2024	0	E!F13723
RCEP E	2025	2025	0	E!G13723
RCEP E	2026	2026	0	E!H13723
RCEP E	2027	2027	0	E!I13723
RCEP F	2022	2022	0	F!D13720
RCEP F	2023	2023	0	F!E13720
RCEP F	2024	2024	0	F!F13720
RCEP F	2025	2025	0	F!G13720
RCEP F	2026	2026	0	F!H13720
RCEP F	2027	2027	0	F!I13720
VIFTA	2024	2024	2,6	VI!F12736
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G12736
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H12736
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I12736

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8472.90 có 6 dòng thuế; dòng 8472.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác, không hoạt động bằng điện.	8472.90.10 Máy thanh toán tiền tự động; 8472.90.41 Tự động; 8472.90.49 Loại khác; 8472.90.50 Máy xử lý văn bản; 8472.90.60 Loại khác, hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8472.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8472.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14357), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.